

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/DS-ST

Ngày: 16/4/2018.

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và ông Trần Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2017/TLST-DS ngày 07/11/2017 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐDS-ST ngày 09/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Ngọc V – CBNV của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh Ninh Thuận theo các văn bản ủy quyền số 1406/2017/UQ -TTT ngày 23/10/2017, số 2300/2017/GUQ-PL&TT ngày 04/8/2017. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1955. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ph, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/8/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) có ký thỏa thuận Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, điều khoản, điều kiện

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với bà Huỳnh Thị H thẻ tín dụng Vina Classic 486265 – 6889 với hạn mức 100.000.000^d. Sau khi cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 105.845.000^d. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 19.950.000^d, sau đó bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà H vẫn không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng. Ngày 21/01/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị H thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 16/4/2018 là 328.874.709^d (trong đó nợ gốc 107.637.189^d, lãi quá hạn 221.237.520^d) và khoản lãi phát sinh sau ngày 16/4/2018.

Tại bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị H thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 16/4/2018 là 327.430.188^d (Trong đó nợ gốc 93.559.726^d, lãi trong hạn 8.113.187^d, phí 5.529.231^d; lãi quá hạn 192.202.084^d, lãi chậm trả của phí và lãi trong hạn 28.025.960^d) và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/4/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành mặc dù Tòa án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý đơn kiện đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về các khoản nợ gốc, phí và nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tổng số tiền 299.404.228^d; không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi quá hạn của lãi, phí trong hạn số tiền 28.025.960^d.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lờ trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “ Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; bị đơn cư trú tại khu 5, phường Ph, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Thời hiệu: Quá trình tố tụng Ngân hàng không yêu cầu áp dụng thời hiệu; bà H không có bất kỳ văn bản nào có ý kiến về thời hiệu. Căn cứ khoản 2 điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không áp dụng quy định về thời hiệu trong vụ án này.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được Thông báo thụ lý vụ án do bị đơn không có mặt tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn ghi trong giao dịch Hợp đồng tín dụng. Việc bị đơn không có ở địa phương và thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho người khởi kiện về nơi cư trú mới theo khoản 3 điều 40, điểm b khoản 2 điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và tổng đạt văn bản tố tụng thông qua việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do, không có người đại diện tham gia tố tụng và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/8/2011 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Huỳnh Thị H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định bà Huỳnh Thị H đã được Ngân hàng cấp tín dụng Visa với hạn mức 100.000.000^d. Sau khi được cấp thẻ bà H đã kích hoạt thẻ và thực hiện giao dịch tổng số tiền 105.845.000^d gồm: lần 1 số tiền 30.000.000^d đã thanh toán 19.950.000^d, số dư nợ cuối kỳ tính đến 20/9/2012 là 17.714.726^d; Đến ngày 20/10/2012 bà H tiếp tục giao dịch số tiền 75.845.000^d nâng số tổng dư nợ gốc là 93.559.726^d. Sau đó bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, việc bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng do đó Ngân hàng yêu cầu bà H thanh toán khoản tiền nợ gốc 93.559.726^d là có căn cứ chấp nhận.

- Về nợ lãi: Ngày 21/01/2013 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Theo quy định tại điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng được 2 bên ký kết thì “ khi chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín được chấm dứt sử dụng thẻ, áp dụng lãi suất quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ”. Xét tranh chấp hợp đồng tín dụng là loại tranh chấp hợp đồng dân sự đặc thù được điều chỉnh bởi luật các tổ chức tín dụng

và văn bản pháp luật của Ngân hàng Nhà nước. Theo quy định tại khoản 2 điều 91 luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “ Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật” và tại điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định “ Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng”, đối chiếu với quy định trên thì việc thỏa thuận lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Mặc khác, bị đơn bà Huỳnh Thị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đã từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh nên theo quy định tại điều 91, khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, chỉ chấp nhận tính lãi trong hạn (lãi suất 2.15%/ tháng), phí, lãi quá hạn (lãi suất 3.225%/ tháng) trên số dư nợ gốc và thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 17/4/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng mà không chấp nhận việc tính lãi trên số dư nợ được cộng dồn tiền lãi trong hạn, phí vào vốn gốc như yêu cầu tại đơn khởi kiện và sao kê của Ngân hàng. Cụ thể các khoản bà H phải trả:

Lãi trong hạn từ 21/9/2012 đến 20/01/2013 là $93.559.726 \times 2.15\% / \text{tháng} (: 30 \text{ ngày}) \times 121 \text{ ngày} = 8.113.187^d$;

Các khoản phí 5.529.231^d;

Lãi quá hạn từ ngày 21/01/2013 đến 16/4/2018 là 1911 ngày là $93.559.726 \times 3.225\% / \text{tháng} (: 30 \text{ ngày}) \times 1911 \text{ ngày} = 192.202.084^d$.

Tổng cộng: 299.404.228^d (Hai trăm chín mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn hai trăm hai mươi tám đồng).

Xét quan điểm của của Viện kiểm sát, yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản nợ gốc, lãi trong hạn, phí, lãi quá hạn là có căn cứ phù hợp điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; điều 91, 94 luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quá hạn đối với khoản lãi trong hạn 8.113.187^d, phí 5.529.231^d tương ứng với số ngày chậm trả do chậm thanh toán với số tiền 28.025.960^d, cụ thể: $(8.113.187^d + 5.529.231^d) \times 3.225\% / \text{tháng} (: 30 \text{ ngày}) \times 1911 \text{ ngày} = 28.025.960^d$.

Xét khi bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hàng tháng Ngân hàng đã áp dụng tính phí trễ hạn với số tiền 2.331.649^d được cộng dồn trong tổng số tiền phí 5.529.231^d bà H phải trả, việc Ngân hàng yêu cầu khoản lãi chậm trả của phí và lãi trong hạn là tính lãi chồng lãi, hơn nữa Bộ luật Dân sự không quy định về lãi suất chậm trả này và lãi suất quá hạn đã tính bằng 150% lãi suất trong hạn nên mặc dù các bên có thỏa thuận khoản lãi này nhưng sự thỏa thuận này không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên

số tiền phải trả cho Ngân hàng 299.404.228^d. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu về lãi chậm trả đối với khoản lãi trong hạn, phí với số tiền 28.025.960^d không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 91; điều 92; điều 147; khoản 2 điều 184; khoản 2 điều 227; điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Các điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; điều 91, 94 luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2, khoản 4 điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn bà Huỳnh Thị H.

- Buộc bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ vay tính đến ngày 16/4/2018 là 299.404.228^d (*Hai trăm chín mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn hai trăm hai mươi tám đồng*); Trong đó nợ gốc 93.559.726^d, lãi trong hạn 8.113.187^d, phí 5.529.231^d, lãi quá hạn 192.202.084^d.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Huỳnh Thị H phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 17/4/2018 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

-Bác yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn bà Huỳnh Thị H về việc yêu cầu bà Hoa có nghĩa vụ phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất quá hạn đối với khoản phí, lãi trong hạn tương ứng với số ngày chậm trả do chậm thanh toán với số tiền 28.025.960^d (*Hai mươi tám triệu không trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm sáu mươi đồng*).

Về án phí: bà Huỳnh Thị H phải chịu 14.970.000^d (*Mười bốn triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.401.000^d (*Một triệu bốn trăm lẻ một ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.707.000^d (*Bảy triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0014413 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Phan Rang – Tháp Chàm. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 6.306.000^d (*Sáu triệu ba trăm lẻ sáu ngàn đồng*).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tỉnh, Thành phố;
- Chi cục THADS Thành phố;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Liên

Nguyễn Lê Anh Thư

Lê Hưng Dũng

